

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

VŨ VIỆT TƯỜNG

**CÁC TỘI PHẠM VỀ HỐI LỘ
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự
Mã số: 9380101.03

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2022

**Công trình được hoàn thành tại:
Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS TRỊNH TIẾN VIỆT

Phản biện 1: PGS.TS Trần Văn Độ
Tòa án Nhân dân tối cao

Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Đức Hạnh
Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao

Phản biện 3: PGS.TS Đỗ Thị Phụng
Trường Đại học Luật Hà Nội

**Luận án được bảo vệ tại Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm
luận án tiến sĩ họp tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội**

Vào hồi giờ..... ngày tháng năm 2022

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam**
- Trung tâm Thư Viện và Tri Thức Số**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Khi nói về sự nguy hiểm của loại tội phạm tham nhũng, hối lộ, V.I. Lênin đã từng nhận định: Nếu còn có một hiện tượng như nạn hối lộ, nếu còn có thể hối lộ được thì cũng không nói đến chính trị được. Trong trường hợp này cũng không nói đến làm chính trị được, vì mọi biện pháp đều sẽ lơ lửng trên không trung, sẽ hoàn toàn không mang lại kết quả gì cả. Một đạo luật chỉ có thể mang lại kết quả xấu hơn nếu trên thực tế nó được đem áp dụng trong điều kiện nạn hối lộ còn được dung thứ và đang thịnh hành.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy mối họa lớn từ vấn nạn này, Người coi tham ô, lãng phí, hối lộ là “nạn nội xâm”, là thứ giặc ở trong lòng. Từ nhiều năm nay, Đảng ta luôn coi cuộc đấu tranh chống tham nhũng, hối lộ là một nhiệm vụ nóng bỏng, cấp bách, có ý nghĩa sống còn. Đảng, Quốc hội, Chính phủ ngay từ những ngày đầu lập quốc và qua các thời kỳ đã ban hành nhiều Sắc lệnh, Nghị quyết, đạo luật để đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, đấu tranh đối với vi phạm và các tội phạm này, như: Sắc lệnh số 223/SL, ngày 27/11/1946 về trừng trị các tội hối lộ, phù lạm, biển thủ công quỹ; Pháp lệnh trừng trị các tội phạm xâm phạm tài sản XHCN và trừng trị các tội phạm xâm phạm tài sản riêng của công dân ngày 21/10/1970; Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ ngày 20/5/1981... Bộ luật Hình sự (BLHS) đầu tiên năm 1985 quy định về các tội tham nhũng, hối lộ; Nghị quyết chống tham nhũng năm 1990; Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998; BLHS năm 1999; BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là BLHS năm 2015) và Luật Giám sát; Luật Khiếu nại, tố cáo; Pháp lệnh cán bộ, công chức; thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng năm 2007... qua đó, khẳng định quyết tâm cao của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và sử dụng pháp luật là công cụ chính để phòng, chống các loại tội phạm về tham nhũng, hối lộ.

Công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, hối lộ, Đảng và Nhà nước ta đã sử dụng nhiều công cụ, biện pháp, hình thức để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, răn đe, xử lý nghiêm khắc với các loại hành vi vi phạm, trong đó pháp luật hình sự được coi là công cụ sắc bén, hiệu quả nhất. BLHS năm 2015 quy định ba hành vi hối lộ tương ứng với các tội phạm được quy định tại các điều 354 - Tội nhận hối lộ; Điều 364 - Tội đưa hối lộ; Điều 365 - Tội môi giới hối lộ. Quy định này là khung pháp lý vững chắc cho việc đấu tranh, xử lý các hành vi tham nhũng, hối lộ, làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền tiến

hành tố tụng truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) với người phạm các tội này đúng pháp luật.

Trên phương diện khoa học luật hình sự, sự cần thiết nghiên cứu tổng thể, đồng thời ba tội phạm này với sự khác biệt về chủ thể là người có chức vụ, quyền hạn và chủ thể thường thực hiện; việc bổ sung những đặc điểm mới của loại tội phạm này trong tình hình hiện nay gắn với xu hướng, những tiến bộ của pháp luật các nước trên thế giới về đấu tranh với loại tội phạm này, nhất là Công ước của Liên Hiệp quốc về phòng chống tham nhũng... từ đó, kiến nghị tiếp tục hoàn thiện quy định tương ứng trong BLHS năm 2015 của Việt Nam.

Việc đấu tranh đẩy lùi các tội phạm về tham nhũng, chức vụ hiện nay là một trong những nhiệm vụ chính trị cấp bách của Đảng và Nhà nước ta hiện nay, góp phần thực hiện Chiến lược Cải cách tư pháp sau năm 2020 và Nghị quyết Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XIII năm 2021 đã chỉ ra nhiệm vụ trọng tâm đầu tiên là: *“Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh... Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”*.

Tổng hợp những cơ sở trên chính là lý do luận chứng cho việc NCS. lựa chọn đề tài với tên gọi *“Các tội phạm về hối lộ trong luật hình sự Việt Nam”* làm luận án tiến sĩ luật học của mình.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề về lý luận, quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật hình sự một số nước, cũng như quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về hối lộ và thực tiễn áp dụng giai đoạn 2008 - 2021, luận án xây dựng khung lý thuyết về các tội phạm này, cũng như luận giải đưa ra kiến nghị tiếp tục hoàn thiện các tội phạm về hối lộ trong BLHS năm 2015 và đề ra những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng, chức vụ nói chung, các tội phạm về hối lộ nói riêng.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích trên, luận án đặt ra những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- 1) Thống kê, khảo sát, đánh giá các công trình nghiên cứu có liên quan ở trong và ngoài nước, từ đó rút ra những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu;
- 2) Làm rõ khái niệm, cơ sở của việc quy định hành vi hối lộ trong pháp luật hình sự Việt Nam và quan điểm về các tội phạm về hối lộ trên thế giới;
- 3) Khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng

Tám năm 1945 đến nay, đặc biệt phân tích quy định của BLHS hiện hành về các tội phạm về hối lộ, từ đó, rút ra nhận xét, đánh giá;

4) Đánh giá toàn diện bức tranh thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt nam về các tội phạm về hối lộ giai đoạn 2008 - 2021, từ đó chỉ ra một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản;

5) Đề xuất kiến nghị tiếp tục hoàn thiện quy định BLHS hiện hành về các tội phạm về hối lộ và giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng quy định đó trong giai đoạn tới. Đặc biệt, kiến nghị, đề xuất chuyển ba tội danh - đưa hối lộ (Điều 364), môi giới hối lộ (Điều 365), nhận hối lộ (Điều 354) thành một mục riêng trong BLHS năm 2015 hiện hành để tăng tính răn đe, phòng ngừa tội phạm, đồng thời đề xuất lộ trình tham gia các Công ước, hợp tác quốc tế về chống tham nhũng và tư pháp có liên quan đến các tội phạm về hối lộ.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án bao gồm lý luận, quan điểm, học thuyết về các tội phạm về hối lộ; quy định trong Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng; pháp luật hình sự một số nước và BLHS Việt Nam hiện hành về các tội phạm này; thực tiễn xét xử, áp dụng pháp luật hình sự về các tội phạm về hối lộ giai đoạn 2008 - 2021.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án được thực hiện theo mã số chuyên ngành Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự, mã số 9380101.03.

Phạm vi nghiên cứu chủ yếu ở Việt Nam, có đề cập tới pháp luật quốc tế, pháp luật một số quốc gia khác. Luận án nghiên cứu trên phạm vi toàn quốc và tập trung 04 tỉnh, thành phố lớn là thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hải Phòng.

Nghiên cứu tình hình, thực trạng về các tội phạm về hối lộ hiện nay; có nghiên cứu, đánh giá tiến trình phát triển của loại tội phạm này trong lịch sử Việt Nam để rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm kế thừa, kiến nghị tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự phù hợp với văn hóa, thói quen của người Việt Nam.

Thời gian, số liệu nghiên cứu tập trung vào giai đoạn 2008 - 2021 và thông qua báo cáo tổng kết, chuyên đề của một số cơ quan chuyên môn, tập trung vào số liệu thống kê của Tòa án nhân dân (TAND) các cấp.

4. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng; tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chủ trương của Đảng về đấu tranh

phòng chống tham nhũng, hối lộ; chính sách hình sự và cải cách tư pháp, đường lối xử lý của Nhà nước đối với nhóm các tội phạm về tham nhũng, chức vụ nói chung, các tội phạm về hối lộ nói riêng.

4.2. Các phương pháp nghiên cứu

Để trực tiếp giải quyết các mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài, tác giả luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể và thể hiện rõ trong nội dung của luận án, bao gồm các phương pháp so sánh, tổng hợp, nghiên cứu, phân tích, quy nạp, thống kê, khảo sát điều tra án điển hình, phỏng vấn, lấy ý kiến chuyên gia để luận chứng và làm sáng tỏ các tri thức khoa học luật hình sự.

5. Những điểm mới và đóng góp về khoa học của luận án

4.1. Ý nghĩa lý luận: Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên ở cấp độ luận án tiến sĩ luật học phân tích, lập luận, làm rõ về mặt lý luận, lịch sử; so sánh với Công ước quốc tế của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng và pháp luật hình sự một số nước; đánh giá toàn diện quy định trong pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về hối lộ... trên cơ sở đó đưa ra những kiến giải lập pháp và mô hình lý luận hoàn chỉnh về các tội phạm này trong BLHS hiện hành.

4.2. Ý nghĩa thực tiễn: Luận án có ý nghĩa chính trị - xã hội và pháp lý quan trọng trong việc đề xuất các nhóm giải pháp nhằm hiện thực chủ trương toàn Đảng, toàn quân, toàn dân kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, hối lộ; qua đó xác lập khuôn khổ pháp lý cơ bản, phục vụ việc xây dựng chiến lược toàn diện trong phòng, chống tham nhũng, hối lộ ở Việt Nam; khẳng định với cộng đồng quốc tế về một Việt Nam cam kết thực hiện có hiệu quả Công ước quốc tế của Liên Hợp quốc về đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Ngoài ra, luận án là tài liệu tham khảo có giá trị cho các nhà nghiên cứu, các NCS, học viên cao học, sinh viên đại học ở các cơ sở đào tạo. Đồng thời phục vụ việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung BLHS hiện hành theo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng: “*Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách...*”.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục và Danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm có 04 chương với tên gọi như sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu.

Chương 2: Những vấn đề lý luận về các tội phạm về hối lộ.

Chương 3: Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về hối lộ và thực tiễn áp dụng.

Chương 4: Định hướng, nội dung hoàn thiện quy định BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về các tội phạm về hối lộ và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

Những năm vừa qua, ở các cấp độ khác nhau đã có nhiều nghiên cứu về tội phạm kinh tế, tham nhũng, chức vụ nhưng chưa có một công trình nghiên cứu riêng rẽ, độc lập và toàn diện về các tội phạm về hối lộ dưới góc độ khoa học luật hình sự và đánh giá đúng thực trạng các chế định nội luật, tính khả thi, những điểm bất cập; so sánh sự phát triển pháp luật về các tội phạm về hối lộ của các quốc gia trên thế giới, nhất là những nước có tương đồng với Việt Nam về văn hóa, chính trị và tốc độ phát triển. Do đó, đánh giá về tình hình nghiên cứu, NCS. tiếp cận dưới các khía cạnh nội dung của các công trình chính: 1) Giáo trình, sách chuyên khảo; 2) Luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ; 3) Đề tài, báo cáo khoa học; 4) Bài viết trên các tạp chí chuyên ngành.

Đáng chú ý, có công trình của GS.TS. Võ Khánh Vinh, *Tìm hiểu TNHS đối với các tội phạm về chức vụ*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996 là công trình nghiên cứu trực tiếp đề cập đến các tội phạm về chức vụ nói chung, trong đó có tội nhận hối lộ, tội đưa hối lộ và tội môi giới hối lộ, tuy nhiên công trình này đã xuất bản từ rất lâu và gắn với quy định của BLHS năm 1985. Sau đó, có luận án tiến sĩ luật học: “*Các tội phạm về hối lộ theo luật hình sự Việt Nam trong sự so sánh với luật hình sự Thụy Điển và Ôt-xtrây-li-a*” của tác giả Đào Lê Thu, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2011; nội dung so sánh các quy định về các tội phạm về hối lộ trong luật hình sự của Việt Nam, Thụy Điển, Ôt-xtrây-li-a; phân tích, làm rõ một số điểm bất cập và đề xuất hoàn thiện, tuy nhiên, chỉ gắn với BLHS năm 1999, sửa đổi năm 2009. Hoặc tác giả Trần Hữu Tráng, “*Các tội đưa và nhận hối lộ của luật hình sự Hoa Kỳ trong sự so sánh với luật hình sự Việt Nam*”; Tạp chí Luật học, số 12/2010, nội dung nghiên cứu về tội đưa và nhận hối lộ được quy định trong BLHS Liên bang cũng như trong BLHS của một số tiểu bang Hoa Kỳ trong sự so sánh với BLHS Việt Nam về chủ thể của tội phạm, đối tượng của tội phạm và các dạng hành vi đưa và nhận hối lộ...

1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Về tình hình nghiên cứu các tội phạm về hối lộ trong tổng quan tình hình nghiên cứu của các nước trên thế giới do NCS. tìm hiểu và được tiếp cận dưới các góc độ cho thấy, chỉ có một số luận án tiến sĩ có đề cập có so sánh các tội phạm tham nhũng hoặc các tội phạm về hối lộ trong luật hình sự Việt Nam và Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng hoặc một số quốc gia điển hình và gắn với tham nhũng là chính.

Đáng chú ý, luận án tiến sĩ luật học: “*Nghiên cứu so sánh tội nhận hối lộ trong luật hình sự Việt Nam và Trung Quốc*” của tác giả Nguyễn Thanh Tân, hoàn thành tháng 6/2013 tại Đại học pháp luật và kinh tế Trung Nam, Vũ Hán, Trung Quốc. Nội dung nghiên cứu, so sánh các quy định của luật hình sự Việt Nam và Trung Quốc, trọng tâm tác giả nghiên cứu sâu về so sánh chủ thể của tội phạm nhận hối lộ; nội dung, hình thức nhận hối lộ; hình phạt nhận hối lộ. Hoặc Tài liệu: “*Fighting Transnational Bribery: China's Gradual Approach*” (Chống hối lộ xuyên quốc gia: Cách tiếp cận dần của Trung Quốc) của Samuel R. Gintel, 2014, đề cập đến việc Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã thông qua luật vào năm 2011 nhằm hình sự hóa hành vi hối lộ của các quan chức nước ngoài và quan chức của các tổ chức quốc tế cộng hòa và có khả năng gia nhập Trung Quốc cùng với các nước như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh và các nước khác đòi hỏi quyền tài phán ngoài lãnh thổ đối với các hành vi hối lộ khác nhau... Hoặc tài liệu: “*An Analysis on Related Problems of Bribery Crime*” (Phân tích về các vấn đề liên quan của tội phạm hối lộ) của YI Fuy, 2011, nội dung cho rằng: Tội hối lộ gây tổn hại nghiêm trọng đến tính liêm chính của các hoạt động công vụ quốc gia. Nó là chính sách hình sự và chiến lược của chính quyền quốc gia nhằm tấn công tội phạm hối lộ một cách kiên quyết và triệt để nhằm thúc đẩy nền hành chính trong sạch của Đảng và duy trì ổn định xã hội... Tuy nhiên, vẫn chưa có nghiên cứu nào trực tiếp dưới góc độ luật hình sự về cả ba tội phạm về hối lộ trong luật hình sự Việt Nam.

1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

Qua thống kê, nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu, cho thấy các công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước về các tội phạm về hối lộ đã đề cập cơ bản toàn diện các khía cạnh pháp lý, chính trị, đạo đức, xã hội, tập quán... của tệ nạn hối lộ và hành vi hối lộ. Các bài viết, công trình khoa học ở nước ngoài phần lớn đề cập tới cơ sở lý luận về tham nhũng trong các lĩnh vực chính trị, quản lý công, pháp luật, kinh tế. Một số công trình nghiên cứu có tiếp cận tham nhũng bằng luật so sánh, luật quốc tế để thấy rõ sự khác nhau qua cách tiếp cận về tội phạm chức vụ, thấy rõ sự khác nhau về quan điểm, cách xử lý, hình phạt trên cơ sở nền tảng pháp luật và thể chế chính trị, không gian sống, tập quán pháp, tiền lệ pháp. Cũng rất nhiều nghiên cứu cũng đã đề cập đến hiện tượng tham nhũng nói chung, các tội phạm về hối lộ nói riêng nhưng chưa thực sự đậm nét, chủ yếu phân tích dưới góc độ kinh tế và luật quốc tế của tham nhũng, vi phạm của các cơ quan công quyền, hành vi lạm quyền trong khi thi hành công vụ, hoặc hành vi đưa và nhận hối lộ lợi dụng chức vụ quyền hạn, vấn

đề trách nhiệm pháp lý của pháp nhân đối với hành vi tham nhũng, rửa tiền, hối lộ; chỉ ra những bước tiến vượt bậc trong khoa học pháp lý liên quan đến quy định về hành vi tham nhũng, hình phạt được quy định trong pháp luật của nhiều nước... Trong khi đó, các công trình nghiên cứu trong nước chủ yếu tập trung nghiên cứu về tham nhũng; nguyên nhân của tham nhũng và các giải pháp phòng, chống tham nhũng; hoặc đa phần các nghiên cứu lại tập trung so sánh, đối chiếu nghiên cứu về phòng, chống tham nhũng, về cơ chế kiểm tra, giám sát của Đảng trong phòng, chống tham nhũng. Tóm lại, nhưng chưa có công trình nào đề cập sâu, trực tiếp về ba tội phạm về hối lộ trong luật hình sự Việt Nam.

Những công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố mà NCS. được tiếp cận đã có những đóng góp về vấn đề lý luận, xây dựng và hoàn thiện pháp luật, áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về hối lộ... Tuy nhiên, cần thiết có công trình khoa học nghiên cứu toàn diện, đồng bộ và có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tội phạm về hối lộ, gồm những vấn đề về cơ sở của việc quy định, các yếu tố tác động đến việc thực thi, cũng như thực tiễn và giải pháp về phương diện pháp lý hình sự, nhằm đáp ứng đòi hỏi thực tiễn hiện nay trong hoàn thiện pháp luật hình sự để nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước về phòng chống tham nhũng, hối lộ.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TỘI PHẠM VỀ HỐI LỘ

2.1. Khái niệm hối lộ và các tội phạm về hối lộ

2.1.1. Khái niệm hối lộ, phân biệt hối lộ với tham nhũng

Tham nhũng, hối lộ thường đi liền và gắn chặt với nhau. Vì vậy, hiểu rõ bản chất về các tội phạm về hối lộ với tư cách là các hành vi phạm tội, cần làm rõ khái niệm hối lộ, phân biệt hối lộ với khái niệm tham nhũng thường được gắn hoặc đi kèm với hối lộ.

“Hối lộ” (*Bribery*) thường được hiểu tương đương như mồi lộ, lót bi, hoặc dân gian thường gọi là “đút lót”, là một hiện tượng tiêu cực trong xã hội, phản ánh hành vi nào đó, thể hiện mối quan hệ đôi chác gì đó lấy lợi ích nào đó, khiến cả hai bên hài lòng và có hành vi trái pháp luật xảy ra. Trong khi đó, “tham nhũng” (*Corruption*) là hiện tượng kinh tế - xã hội gắn liền với sự ra đời và phát triển của bộ máy Nhà nước. Theo nhóm tác giả trong cuốn sách “*Tools to support transparency in local governance*” (Công cụ hỗ trợ cho tính minh bạch trong công tác cai trị ở địa phương) đã xác định ra quy luật hoạt động của tham nhũng trong

thực tế công quyền dưới dạng công thức tạm dịch như sau: Tham nhũng = Độc quyền + Bưng bít thông tin - Trách nhiệm giải trình. Tham nhũng được hiểu rộng hơn hối lộ. Vì vậy, dưới góc độ nghiên cứu, NCS. thống nhất quan điểm khái niệm “hối lộ” là hành vi cụ thể, hẹp hơn, nằm trong khái niệm “tham nhũng”.

2.1.2. Khái niệm các tội phạm về hối lộ

Tìm hiểu quan điểm của các tác giả đã nêu về bản chất của hiện tượng hối lộ, phân biệt với hiện tượng tham nhũng, NCS. nhận thấy một điểm chung là cho dù được nhận thức từ bất kỳ phương diện nào hối lộ vẫn luôn thể hiện bản chất của một hiện tượng tiêu cực, phi đạo đức và gây rất nhiều tác động xấu tới đời sống xã hội. Tính chất tiêu cực của hối lộ chính là sự luận giải hợp lý nhất cho sự cần thiết phải quy định những hành vi này là tội phạm và quy định việc xử lý về biện pháp pháp lý hình sự ở mức độ nghiêm khắc cao.

Do đó, các tội phạm về hối lộ là những hành vi đưa, nhận hoặc trung gian môi giới hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào (tiền, vật chất, thỏa mãn các nhu cầu lợi ích khác...) được quy định trong pháp luật hình sự, do chủ thể thực hiện một cách cố ý, tác động đến hoạt động thực thi chức trách, nhiệm vụ của người có chức vụ, quyền hạn nhằm mục đích trục lợi của các chủ thể tham gia.

Khái niệm trên phản ánh đặc điểm của các tội phạm về hối lộ như sau:

- Các tội phạm về hối lộ tác động đến hoạt động thực thi chức trách, nhiệm vụ của người có chức vụ, quyền hạn nhằm mục đích trục lợi của các chủ thể tham gia;

- Các tội phạm về hối lộ thể hiện cụ thể ở các hành vi đưa, nhận hoặc trung gian môi giới hối lộ, tạo điều kiện cho việc đưa, nhận, đòi hỏi lợi ích dưới bất kỳ hình thức nào;

- Trong quan hệ hối lộ luôn tồn tại ít nhất hai chủ thể có liên quan là người nhận hối lộ và người đưa hối lộ;

- Hành vi nhận hối lộ do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện, hành vi đưa hối lộ và môi giới hối lộ do chủ thể thường thực hiện, nhưng đều xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức và liên quan đến hành vi của người có chức vụ, quyền hạn.

- Lợi ích trong quan hệ hối lộ là bắt buộc, các tội phạm này được thực hiện bằng hình thức lỗi cố ý và phải được quy định trong luật hình sự.

2.2. Cơ sở của việc quy định các tội phạm về hối lộ trong pháp luật hình sự Việt Nam

2.2.1. Tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi hối lộ

Tính nguy hiểm của các tội phạm về hối lộ được thể hiện ở chỗ, các tội phạm này xâm phạm hoạt động bình thường của bộ máy nhà nước, làm cho

đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước không được thực hiện đầy đủ, đúng đắn, gây ra các hậu quả nguy hại cho xã hội về chính trị, kinh tế, pháp luật, tư tưởng...

2.2.2. Thực tiễn công tác phòng ngừa và đấu tranh, xử lý

Từ năm 2013 đến nay, công tác đấu tranh phòng, chống hối lộ đã được Đảng, Nhà nước chỉ đạo quyết liệt, bài bản, đi vào chiều sâu, có bước tiến mạnh, đạt nhiều kết quả cụ thể, toàn diện, rõ nét, để lại dấu ấn tốt, tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội và thực sự đã trở thành phong trào, xu thế, được cán bộ, đảng viên, nhân dân đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao, được quốc tế ghi nhận.

2.2.3. Chính sách hình sự Việt Nam về các tội phạm về hối lộ

Chính sách hình sự là những đường hướng, chiến lược cơ bản nhất của nhà nước trong việc xây dựng, giải thích và thực thi pháp luật hình sự để phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm một cách hiệu quả. Trong đó, việc phòng, chống tội phạm về hối lộ là một bộ phận không thể tách rời trong nội dung của chính sách hình sự Việt Nam, tạo ra căn cứ để điều chỉnh phạm vi và mức độ sử dụng pháp luật hình sự để trấn áp tội phạm về hối lộ.

2.2.4. Yêu cầu hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa

Hội nhập quốc tế và hợp tác sâu rộng các lĩnh vực, nhất là đầu tư, kinh tế bên cạnh những cơ hội phát triển cho các ngành, các cấp nhưng sẽ làm gia tăng các hoạt động “tiêu cực”, nhất là tham nhũng, hối lộ... với các biểu hiện tinh vi, phức tạp hơn do có thêm “yếu tố nước ngoài”, như việc chuyển tài sản, tiền tham nhũng ra nước ngoài hoặc hành vi tiếp tay cho hoạt động rửa tiền của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài vào Việt Nam. Người phạm tội có thể lựa chọn nước ngoài là nơi không chỉ tẩu tán tài sản tham nhũng, hối lộ mà còn là nơi để trốn tránh sau khi có hành vi tham nhũng, gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Tuy nhiên, ở một góc độ tiếp cận khác, có thể nhận thấy, hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa cũng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, hối lộ; bởi lẽ, khi tham gia các điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương về phòng, chống tham nhũng, hối lộ sẽ là một áp lực đòi hỏi Việt Nam phải có nhiều nỗ lực hơn trong đấu tranh phòng, chống tội phạm này.

2.3. Những yếu tố tác động đến việc thực thi pháp luật hình sự Việt Nam đối với các tội phạm về hối lộ

2.3.1. Khó khăn trong chứng minh các tội phạm về hối lộ

Hiện nay, vẫn còn nhiều khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng

trong việc chứng minh các hành vi cấu thành tội phạm trong vụ án, nhất là các hành vi đưa, nhận hối lộ, đặc biệt là hành vi nhận hối lộ. Bất cập này phần nào giải thích một trong những dư luận còn tồn tại hiện nay trong xã hội và quần chúng nhân dân: chủ trương và quyết tâm chính trị chống hối lộ của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị là rất cao, trong khi cảm nhận của người dân về “nạn hối lộ” vẫn còn.

2.3.2. Hoạt động của các cơ quan quan bảo vệ pháp luật

Hoạt động của các cơ quan thực bảo vệ pháp luật là một trong những yếu tố trực tiếp tác động đến việc thực thi pháp luật hình sự đối với các tội phạm về hối lộ. Hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật này được thể hiện đầy đủ ở trong quá trình giải quyết các hành vi vi phạm về hối lộ mà ở đó việc vụ án hình sự thông qua các giai đoạn tố tụng từ tiếp nhận tin báo tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, kiểm sát quá trình giải quyết vụ án hình sự... thể hiện sự nghiêm khắc của pháp luật đối với hành vi liên quan đến hối lộ.

2.3.3. Đội ngũ cán bộ trong các cơ quan bảo vệ pháp luật

Các cơ quan bảo vệ pháp luật với trung tâm là Tòa án nhân dân có vai trò trung tâm trong quá trình bảo đảm pháp luật hình sự về các tội phạm về hối lộ được thực thi, do đó, đội ngũ cán bộ trong các cơ quan này có vai trò quyết định đến hiệu quả của việc thực thi pháp luật hình sự đối với loại tội phạm này. Trong bối cảnh toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đang hướng đến việc xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính.

2.3.4. Hệ thống pháp luật khác về phòng, chống vi phạm pháp luật về hối lộ

Cơ sở pháp lý cho việc phòng ngừa, đấu tranh chống lại hành vi hối lộ trải dài trong nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau. Hệ thống pháp luật này bao gồm pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, pháp luật về thanh tra, kiểm toán nhà nước, pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức luật tổ chức một số cơ quan bảo vệ pháp luật. Các hành vi hối lộ được xử lý trước tiên bằng hệ thống pháp luật hành chính và một số pháp luật chuyên ngành và mức độ cao hơn là pháp luật hình sự.

2.3.5. Tập quán, văn hóa, đạo đức “phong tục, tập quán” quà tặng biếu mừng thay “hối lộ” vẫn tồn tại trong xã hội

Từ xa xưa, mộ số phong tục truyền thống “miếng trầu là đầu câu chuyện”, đạo lý “đền ơn đáp nghĩa” dẫn tới việc quà cáp, biếu xén đối với người giúp đỡ, hỗ trợ, ban ơn cho mình đã ăn sâu bám rễ trong tư tưởng, tâm lý người dân Việt Nam ta. Với nền văn hóa mang đậm nét nông nghiệp lúa nước, sản xuất

nhỏ, người nông dân tự phải lo liệu mọi việc... do đó, tâm lý và hình thành lề lối tư duy “thu vén cá nhân”, chỉ lo việc của cá nhân, không quan tâm đến những người xung quanh.

2.4. Quy định trong Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng và pháp luật hình sự một số nước về các tội phạm về hối lộ

2.4.1. Quy định trong Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng về các tội phạm về hối lộ

BLHS và Công ước có sự tương đồng lớn trong việc ghi nhận tính chất nguy hiểm cho xã hội của các hành vi phạm tội về hối lộ và hình sự hóa các hành vi này. Công ước yêu cầu việc hình sự hóa các hành vi hối lộ tại các Điều 15, 16, 21; đồng phạm hối lộ tại Điều 27. Các hành vi này được quy định cụ thể tại các Điều 354 (tội nhận hối lộ), Điều 364 (tội đưa hối lộ), Điều 365 (tội môi giới hối lộ) trong BLHS năm 2015. Quy định của BLHS và Công ước đều thừa nhận bản chất của hối lộ là việc trao đổi một lợi ích nào đó (“của hối lộ”) được cung cấp bởi người đưa hối lộ lấy hành vi của người nhận hối lộ nhằm thực hiện yêu cầu của người đưa hối lộ. Ngoài ra, giống như BLHS, Công ước cũng xác định đối tượng nhận hối lộ là những người có chức vụ, quyền hạn nhất định như: công chức quốc gia (Điều 15), công chức nước ngoài, công chức của các tổ chức quốc tế (Điều 16), người điều hành hay có cương vị có ảnh hưởng ở các tổ chức tư (Điều 21). Những khái niệm này được giải thích tại Điều 2 - Sử dụng thuật ngữ trong Công ước. Còn theo BLHS, người có chức vụ là “người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ” (khoản 2 Điều 277).

2.4.2. Quy định trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới về các tội phạm về hối lộ

Các tội phạm về hối lộ được pháp luật hình sự các nước đều quy định rõ ràng, đầy đủ, có nước quy định trong các tội phạm về tham nhũng, chức vụ, có nước quy định riêng rẽ từng hành vi phạm tội hoặc cả nhóm tội với cách thiết kế khác nhau. NCS. lựa chọn một số quốc gia điển hình trên thế giới để nghiên cứu, tìm ra điểm hợp lý để tiếp thu có chọn lọc bởi pháp luật hình sự của Trung Quốc, Mỹ, CHLB Đức, Áo và Thụy Điển... Như vậy, mặc dù có nhiều quan niệm khác nhau về hối lộ, nhưng trên thế giới, quan niệm phổ biến nhất hiện nay coi hối lộ là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để làm hoặc không làm một việc gì đó trái pháp luật vì động cơ vụ lợi theo thỏa thuận với người đưa hối lộ. Quan niệm này bao gồm cả ở khu vực

công và khu vực tư. Một số quốc gia phân chia hối lộ thành các loại: khu vực công và khu vực tư; hối lộ quan chức địa phương hoặc bầu cử; hối lộ quan chức cao cấp và người được giao thực hiện việc công.

Chương 3

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI PHẠM VỀ HỐI LỘ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

3.1. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về hối lộ

Sau khi Cách mạng Tháng 8 năm 1945 thành công, chính quyền nhân dân non trẻ, khó khăn chồng chất khó khăn phải đối phó với “thù trong giặc ngoài”; trong khi đó, kinh tế đất nước trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, phải thực hiện đồng thời các nhiệm vụ lớn, đó là: diệt giặc đói, giặc dốt; chống giặc ngoại xâm giữ vững chính quyền. Trước muôn vàn khó khăn, nhưng ngay từ những ngày đầu thành lập nước, Đảng, Nhà nước ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành ngay nhiều sắc lệnh, văn bản để bảo vệ tài sản nhà nước và tài sản của nhân dân, bảo vệ hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức, ngăn ngừa những hành vi xâm hại, vi phạm pháp luật của cán bộ, Đảng viên... Tuy nhiên, các quy định về tội phạm về hối lộ trong giai đoạn này vẫn chưa được quy định cụ thể, mới rải rác trong có quy định về các tội phạm về hối lộ như: Sắc lệnh số 223/SL, ngày 27/11/1946 về trừng trị các tội hối lộ, phù lạm, biển thủ công quỹ; Pháp lệnh trừng trị các tội phạm xâm phạm tài sản XHCN và Pháp lệnh trừng trị các tội phạm xâm phạm tài sản riêng của công dân được ban hành ngày 21/10/1970... Ngày 20/5/1981, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ. Pháp lệnh ngày 20/5/1981 đã thay thế các văn bản PLHS trước đó về các tội hối lộ. Lần đầu tiên trong Pháp lệnh, tội nhận và đưa hối lộ được quy định thành một điều độc lập, các dấu hiệu pháp lý được mô tả, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ cũng được quy định tại các điều khoản cụ thể. Pháp lệnh đã loại bỏ những hạn chế của các văn bản PLHS trước đây và giúp cho việc phân hóa TNHS và cá thể hóa hình phạt được thuận lợi và chính xác.

Ngày 27/6/1985 tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa VII đã thông qua BLHS và đã có hiệu lực ngày 01/01/1986. Tại Chương 9 quy định các tội về tham nhũng một cách tương đối và đầy đủ tạo điều kiện cho việc xử lý tội phạm tham nhũng thời gian qua, trong đó quy định về các tội hối lộ, cụ thể: Điều 226 - Tội nhận hối lộ và được sửa đổi, bổ sung ba lần năm 1991, 1992 và 1997; Điều 227 - Tội đưa hối lộ, tội làm môi giới hối lộ.

Đến BLHS năm 1999, đã quy định các tội phạm về hối lộ một cách cụ thể và chặt chẽ hơn so với BLHS năm 1985. Các tội phạm về hối lộ được quy định ở Mục A trong Chương XXI BLHS năm 1999. Tội nhận hối lộ được quy định tại Điều 279. Bên cạnh đó, ngày 29/11/2005 Quốc hội thông qua luật Phòng chống tham nhũng (có hiệu lực ngày 01/6/2006), đạo luật này đã thay thế cho các văn bản quy phạm về phòng, chống tham nhũng trước đây, đã góp phần quan trọng trong ngăn chặn, đẩy lùi nạn tham nhũng, hối lộ.

BLHS năm 1999 được ban hành đã dành riêng 01 chương quy định về các tội phạm về chức vụ trong đó 01 mục (mục A) với 07 điều luật quy định về các tội phạm tham nhũng và 01 mục (mục B) với 07 điều luật quy định về các tội phạm khác về chức vụ.

3.2. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về các tội phạm về hối lộ

BLHS năm 2015 phân chia thành 02 nhóm quy định, Mục 1 - Các tội phạm tham nhũng gồm 7 tội, trong đó có Điều 354 - Tội nhận hối lộ. Mục 2 quy định quy định các tội phạm khác về chức vụ, gồm 7 tội, trong đó có Điều 364 - Tội đưa hối lộ, Điều 365 - Tội môi giới hối lộ. So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 - Chương XXIII “*Các tội phạm về chức vụ*” được bổ sung những nội dung mới, như sau: Mở rộng phạm vi của các tội phạm về chức vụ, mở rộng khái niệm, phạm vi sang khu vực tư (các tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước); mở rộng chủ thể và đối tượng của tội phạm nhận hối lộ, chủ thể của tội nhận hối lộ còn có thể là người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước; mở rộng phạm vi “của hối lộ” không chỉ gồm các lợi ích vật chất như tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác mà còn bao gồm các lợi ích phi vật chất, có khả năng đem lại sự hài lòng, sự thỏa mãn cho người nhận, do đó có khả năng gây ảnh hưởng đến hoạt động thực thi công vụ, nhiệm vụ của người có chức vụ, quyền hạn; quy định cụ thể về bên thứ ba hưởng lợi trong các tội phạm về hối lộ và vấn đề hối lộ công chức nước ngoài, qua đó, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

3.2.1. Dấu hiệu định tội

a) Tội nhận hối lộ

Điều 354 BLHS năm 2015 quy định hành vi khách quan của tội nhận hối lộ có thể được diễn giải bao gồm hai khả năng (hai dạng) hành vi được thực hiện: Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhận của hối lộ để làm hay không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ; hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhận của hối lộ sau khi (do đã) thực hiện việc làm hay không làm theo thỏa thuận với người đưa hối lộ.

b) Tội đưa hối lộ và tội môi giới hối lộ

- *Tội đưa hối lộ*: Có hành vi đưa lợi ích một cách bất chính cho người có chức vụ, quyền hạn. Hành vi đưa của hối lộ có thể diễn ra trước hoặc sau khi người có chức vụ, quyền hạn làm theo yêu cầu của người đưa. Đối với trường hợp đưa của hối lộ sau khi người có chức vụ, quyền hạn làm theo yêu cầu của người đưa, giữa người nhận và người đưa phải có sự thỏa thuận về của hối lộ và việc làm hoặc không làm vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa.

- *Tội môi giới hối lộ*: Có hành vi giới thiệu hoặc giúp cho bên đưa hối lộ và bên nhận hối lộ gặp nhau để thỏa thuận việc hối lộ (như chọn địa điểm, thời gian, chuyển lời đề nghị, yêu cầu... giữa hai bên), kể cả chuyển hoặc nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất hoặc phi vật chất khác cho bên đưa hối lộ hoặc nhận hối lộ.

3.2.2. Dấu hiệu định khung

a) Tội nhận hối lộ

Điều 354 - Tội nhận hối lộ quy định khung hình phạt đối với người phạm tội nhận hối lộ như sau:

- Khung 1 quy định phạt tù từ 02 năm đến 07 năm tù. Đây là khung hình phạt cơ bản với tội phạm này khi thỏa mãn các điều kiện truy cứu TNHS.

- Khung 2 quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây: Phạm tội có tổ chức, lạm dụng chức vụ quyền hạn; của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng; gây thiệt hại về tài sản từ 01 tỷ đồng đến dưới 03 tỷ đồng.

b) Tội đưa hối lộ

Điều 364 - Tội đưa hối lộ quy định khung hình phạt đối với người phạm tội đưa hối lộ và 01 khung quy định riêng về chính sách hình sự trong trường hợp cụ thể đặc biệt đối với người đưa hối lộ, cụ thể:

- Khung 1 quy định 02 hình phạt có thể lựa chọn là phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Đây là khung hình phạt cơ bản của tội phạm này và đáp ứng điều kiện sẽ bị truy cứu TNHS.

- Khung 2 quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây: Phạm tội có tổ chức; dùng thủ đoạn xảo quyệt; dùng tài sản của Nhà nước để đưa hối lộ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn.

c) Tội môi giới hối lộ

Điều 365 - Tội môi giới hối lộ quy định khung hình phạt:

- Khung 1 quy định 02 hình phạt có thể lựa chọn là phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Đây là khung hình phạt cơ bản của tội phạm này, nếu đáp ứng điều kiện bị truy cứu TNHS.

- Khung 2 quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây: Phạm tội có tổ chức; phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; dùng thủ đoạn xảo quyệt; biết rõ của hồi lộ là tài sản của Nhà nước; lợi dụng chức vụ, quyền hạn.

3.3. Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về hồi lộ

Trong giai đoạn 2008 - 2021, cùng với báo cáo của các Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, TAND các cấp ở nước ta đã đưa ra xét xử nghiêm minh và đúng pháp luật những vụ án và các bị cáo khi phạm các tội phạm về hồi lộ (tội nhận hồi lộ, tội đưa hồi lộ và tội môi giới hồi lộ), trong đó, số liệu xét xử như sau:

Bảng 3.1. Thống kê tình hình xét xử các tội phạm về hồi lộ giai đoạn 2008 - 2021

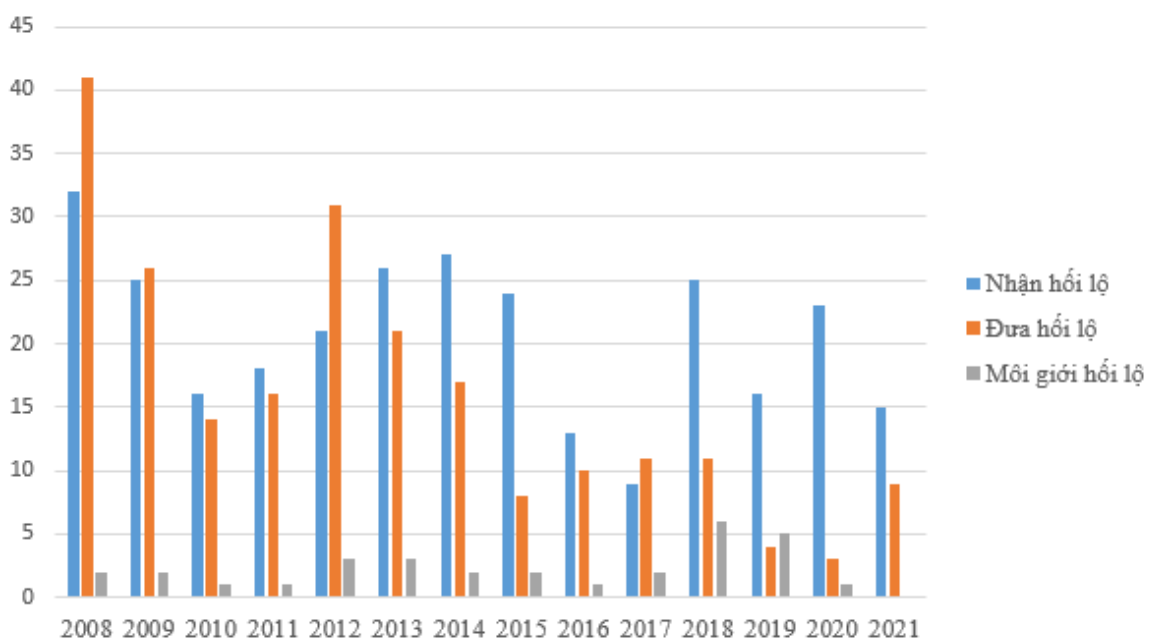
Năm	Tội nhận hồi lộ				Tội đưa hồi lộ				Tội môi giới hồi lộ			
	Số giải quyết		Số đã xét xử		Số giải quyết		Số đã xét xử		Số giải quyết		Số đã xét xử	
	Số vụ	Bị cáo	Số vụ	Bị cáo	Số vụ	Bị cáo	Số vụ	Bị cáo	Số vụ	Bị cáo	Số vụ	Bị cáo
2008	50	171	32	127	43	95	41	85	03	08	02	07
2009	38	102	25	55	33	61	26	47	02	07	02	06
2010	31	98	16	36	19	37	14	24	02	04	01	02
2011	28	60	18	34	20	44	16	31	02	04	01	01
2012	31	93	21	69	33	73	31	70	07	15	03	05
2013	42	94	26	52	23	40	21	32	04	19	03	06
2014	34	102	27	70	26	70	17	44	03	16	02	03
2015	35	98	24	55	14	35	08	13	05	18	02	14
2016	27	97	13	45	16	39	10	15	03	05	01	02
2017	31	64	9	28	18	85	11	47	05	14	02	04
2018	27	37	25	33	11	46	11	44	08	47	06	44
2019	34	82	16	35	04	16	04	14	07	15	05	13
2020	32	71	23	41	07	24	03	16	02	14	01	03
2021	17	53	15	31	13	31	9	22	03	08	0	02
Tổng	457	1.222	290	711	280	696	222	504	56	194	31	112

(Nguồn: TAND tối cao, Hà Nội, 2022)

Theo bảng số liệu trên, từ năm 2008 - 2021, trong ba tội phạm liên quan

tới nhóm hành vi này, TAND các cấp đã giải quyết tổng số **793** vụ việc, với **2.112** bị cáo. Tuy nhiên, số vụ án và số bị cáo đã xét xử đạt tỷ lệ chưa cao. Cụ thể, số vụ án đã xét xử là **543** vụ, chiếm 68,47% số vụ việc đã giải quyết, với **1.327** bị cáo đã bị xét xử chiếm 62,8%. Việc xử lý vẫn chủ yếu là tội nhận hối lộ (trong 14 năm xét xử 290 vụ với 711 bị cáo) và tội đưa hối lộ (trong 14 năm xét xử 222 vụ với 504 bị cáo). Việc xử lý 2 tội phạm này chiếm tới 94% số vụ án và 91,3% số bị cáo được đưa ra xét xử. Trong khi đó, tội môi giới hối lộ lại chiếm tỷ lệ không cao (trong 14 năm xét xử 31 vụ với 112 bị cáo).

Qua phân tích số liệu, tỷ lệ phạm tội về hối lộ trung bình trên phạm vi cả nước trong 01 năm là **56,6** vụ việc/năm, cụ thể: năm 2008 là **96** vụ; năm 2009 là **73** vụ; năm 2010 là **52** vụ; năm 2011 là **50** vụ; năm 2012 là **71** vụ; năm 2013 là **69** vụ; năm 2014 là **63** vụ; năm 2015 là **54** vụ; năm 2016 là **46** vụ; năm 2017 là **54** vụ; năm 2018 là **46** vụ; năm 2019 là **45** vụ; năm 2020 là **41** vụ; năm 2021 là **33** vụ ... Như vậy, tính theo cơ cấu và tỷ lệ số vụ và số bị can, bị cáo có chiều hướng không ổn định về công tác phát hiện, xử lý tội phạm. Đối chiếu thực trạng diễn ra hiện nay, có thể nhìn nhận, việc phát hiện các tội phạm về hối lộ vẫn chưa tương xứng với dư luận quần chúng nhân dân và các phương tiện truyền thông đã nêu và phản ánh. Nhiều chuyên gia xã hội học và ý kiến các giai tầng xã hội nhận định, việc phát hiện ra các dấu hiệu phạm tội về hối lộ (đưa, nhận, môi giới hối lộ) là rất khó khăn do tính chất đơn tuyến và “kín đáo”, ít người biết của loại tội phạm này.



Biểu đồ 3.1. Thể hiện tổng số vụ án đã xét xử về các tội phạm về hối lộ 2008 - 2021

(Nguồn: TAND tối cao, Hà Nội, 2022)

3.4. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân cơ bản

Bên cạnh những thành công, kết quả đạt được, trong áp dụng quy định BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 về các tội phạm về hối lộ giai đoạn 2008 - 2021 cho thấy một số tồn tại, hạn chế trước (trong công tác phát hiện, xử lý và phối hợp) và trong áp dụng các quy định đó (định tội danh và quyết định hình phạt) như sau:

3.4.1. Tồn tại, hạn chế trong công tác phát hiện, xử lý các tội phạm về hối lộ

Trong những năm qua, công tác phát hiện và xử lý các tội phạm về hối lộ còn bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém. Thực tiễn cho thấy, có nhiều vụ án được phát hiện nhưng trong quá trình điều tra có sự bao che gây khó khăn trong quá trình xử lý xử lý, nhiều trường hợp bị bỏ lọt tạo vỏ bọc cho loại tội phạm này phát triển. Còn tồn tại tình trạng Cơ quan Điều tra chưa vô tư, khách quan và quyết liệt trong việc truy tìm chứng cứ để xử lý người nhận hối lộ. Ở một số vụ án khác thì vì năng lực điều tra yếu kém, có khi thì vì sợ ảnh hưởng đến thi đua của ngành và chỉ tiêu thi đua. Ví dụ vụ án Nguyễn Tiến D và Phạm Xuân T bị TAND Thành phố Hà Nội xét xử ngày 26/01/2021 về tội nhận hối lộ là minh chứng.

Ngoài ra, khó khăn trong chứng minh tội phạm còn đến từ nhận thức của người tiến hành tố tụng, bởi lẽ cùng là hành vi nhận lợi ích vật chất (hoặc phi vật chất) nhưng đánh giá đó là nhận hối lộ hay lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản...

3.4.2. Tồn tại, hạn chế trong cơ chế phối hợp giữa Thanh tra, Kiểm toán với Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát trong phát hiện, xử lý

Quan hệ phối hợp giữa Viện Kiểm sát nhân dân và Cơ quan điều tra trong việc thụ lý, giải quyết tin báo, tố giác có địa phương phần lớn còn mang tính hình thức. Các tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đều do Cơ quan điều tra tiến hành, Viện Kiểm sát chỉ kiểm sát việc giải quyết, chưa trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. Hầu hết các vụ án về hối lộ có nhiều tình tiết phức tạp phải tiến hành xác minh tại nhiều địa phương dẫn đến hết thời hạn chưa ban hành quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm.

Tính chất phức tạp của vụ án, có nhiều người phạm tội, phạm nhiều tội khác nhau nên thời gian điều tra thường kéo dài, các đối tượng phạm tội có thời gian hợp pháp hóa tài liệu, chứng cứ gây khó khăn cho công tác điều tra, ví dụ vụ án đưa và nhận hối lộ xảy ra tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh

Cà Mau, vụ Phạm Văn Th cùng đồng bọn phạm tội hủy hoại rừng tại huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Trong kiểm sát việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, đôi khi chưa chặt chẽ chưa kịp thời trong việc yêu cầu Cơ quan Điều tra áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với đối tượng thực hiện hành vi phạm tội, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án như vụ án đưa, nhận hối lộ xảy ra tại Trạm cân xe lưu động số 56 tỉnh Đắk Nông, khi phát hiện hành vi phạm tội của ông Nguyễn Minh M - Đội trưởng Đội thanh tra giao thông, kiêm Trạm phó Trạm cân 56, Viện Kiểm sát không yêu cầu Cơ quan Điều tra ra lệnh bắt khẩn cấp mà Cơ quan này chỉ ban hành giấy triệu tập.

3.4.3. Tồn tại, hạn chế trong áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về hối lộ

Định tội danh và quyết định hình phạt là hai hoạt động đặc trưng của áp dụng pháp luật hình sự. Tuy nhiên, thực tiễn xử lý, áp dụng pháp luật hình sự về các tội phạm về hối lộ cũng cho thấy một số vấn đề sau:

Một là, tình hình tội phạm về hối lộ, nhất là tội nhận hối lộ ngày càng diễn biến phức tạp với các thủ đoạn tinh vi và nguy hiểm hơn, đáng quan tâm là chủ thể thực hiện tội phạm này là người có nhân thân đặc biệt, có điều kiện thực hiện tội phạm nhưng khó khăn trong khâu thu thập chứng cứ và chứng minh tội phạm.

Hai là, tỷ lệ tội phạm về hối lộ được phát hiện và xét xử cả về vụ việc, bị can, bị cáo còn quá ít, chưa tương xứng với thực tế diễn biến của loại tội phạm này.

Ba là, hình phạt về các tội phạm về hối lộ với số vụ án bị tuyên án không những ít về số lượng bị cáo phải chịu hình phạt mà mức độ hình phạt còn chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm này.

Qua nhìn nhận, đánh giá nhận thấy, việc định tội danh và quyết định hình phạt cơ bản là chính xác đối với các tội phạm về hối lộ, các tội phạm này thường xuất hiện trong cùng một vụ án và có sự liên quan mật thiết. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm này vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- Xác định tội đưa hối lộ và tội môi giới hối lộ nhưng không xác định, làm rõ được tội nhận hối lộ, ví dụ Bản án hình sự phúc thẩm số 350/2019/HSPT ngày 17/6/2019 của TAND cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm bản án hình sự số 471/2018/HSST ngày 24/11/2018 của TAND thành phố Hà Nội.

- Xác định không đúng khung hình phạt tăng nặng TNHS đối với tội nhận hối lộ và bỏ lọt đồng phạm, ví dụ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2019/HS-GĐT ngày 01/03/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết luận Tòa

án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm kết tội Trần Hoàng L, Hoàng Phú Y nhận hối lộ là đúng tội, nhưng áp dụng khoản 1 để xử phạt các bị cáo là không đúng khung hình phạt. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn bỏ lọt người phạm tội là đồng phạm trọng vụ án đối với Trần Thanh H1 và Nguyễn Thanh H4.

- Xác định tội danh chưa chính xác giữa tội môi giới hối lộ và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ví dụ Bản án số 222/2017/HSPT ngày 06/9/2017 của TAND tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 184/2017/HSPT ngày 31/7/2017 đối với các bị cáo Nguyễn Vũ Hữu Đ và Nguyễn Văn L.

- Việc xác định tình tiết tăng nặng TNHS trong tội nhận hối lộ chưa đầy đủ, ví dụ Bản án hình sự phúc thẩm số 184/2019/HSPT ngày 25/7/2019 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định hủy bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 08/3/2019 của TAND tỉnh Kon Tum về phần tội danh *đưa hối lộ; nhận hối lộ* và hình phạt đối với các bị cáo Vũ Văn T và Hồ Vĩnh K, giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc áp dụng hình phạt chính đối với các tội phạm về hối lộ còn nhẹ, qua khảo sát cho thấy, phần lớn hình phạt nằm ở mức dưới 3 năm tù và từ 3 năm đến 7 năm tù. Bên cạnh đó, còn có nhiều vụ án việc áp dụng các quy định của BLHS máy móc, không phù hợp với tình hình thực tiễn đặt ra, ví dụ vụ án tại Bình Thuận, ông Nguyễn Thành N và Nguyễn Thanh T. bị truy tố về tội nhận hối lộ.

- Việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với các tội phạm về hối lộ chưa nhiều, bên cạnh đó, tỷ lệ áp dụng án treo trong giai đoạn 2008 - 2021 với các tội phạm về hối lộ còn tương đối cao trong khi thực tế nhóm tội phạm về hối lộ lại gây ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực, bị xã hội lên án. Do đó việc áp dụng án treo đối với người phạm tội trong nhiều trường hợp còn thiếu răn đe, chưa phù hợp với thực tiễn, gây ra những phản ứng từ dư luận xã hội.

3.4.4. Các nguyên nhân cơ bản

Tổng kết theo NCS. là do các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Một là, việc thực hiện chính sách phòng, chống tham nhũng, chức vụ nói chung, về hối lộ nói riêng của nước ta chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được thực trạng tình hình hiện nay, thiếu một chương trình phòng, chống lâu dài, tổng thể.

Hai là, hệ thống pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực này nói chung, pháp luật hình sự xử lý về các tội phạm về hối lộ nói riêng chưa hoàn thiện, liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, một số nội dung áp dụng còn chưa thống nhất, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng ngừa và chống tội

phạm và chưa đáp ứng yêu cầu toàn quốc hóa và hội nhập quốc tế, chưa tương thích với Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng và với pháp luật hình sự các nước...

Ba là, nguyên nhân do năng lực, trình độ chuyên môn của một bộ phận cán bộ điều tra, truy tố xét xử chưa cao nên nhận định, đánh giá và xử lý vấn đề khi áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về hối lộ chưa toàn diện, hệ thống, dẫn đến việc xử lý chưa chính xác, toàn diện.

Bốn là, có thể có nguyên nhân chủ quan do động cơ vụ lợi hoặc vì thành tích cá nhân mà không xử lý hoặc xử lý không triệt để, bỏ lọt tội phạm và người phạm tội hoặc giảm nhẹ TNHS không đúng, không chính xác mà một vài bản án ví dụ nêu trên là minh chứng.

Năm là, công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, thanh tra và công tác giám đốc kiểm tra của TAND cấp trên, kiểm sát của Viện Kiểm sát đối với hoạt động điều tra, của các cơ quan giám sát, dân cử... đối với hoạt động tư pháp, cũng như tuyên truyền, lên án hành vi hối lộ trong nhân dân còn chưa được sâu sát, toàn diện, cùng với nguyên nhân ở trên - hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng (đã nêu) ở trên chưa hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung kịp thời tạo ra sự áp dụng pháp luật hình sự chưa được chính xác.

Chương 4

ĐỊNH HƯỚNG, NỘI DUNG HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017 VỀ CÁC TỘI PHẠM VỀ HỐI LỘ VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG

4.1. Định hướng hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về các tội phạm về hối lộ và nâng cao hiệu quả áp dụng

Mặc dù BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã khắc phục được rất nhiều hạn chế, bất cập trong quy định về các tội phạm về hối lộ so với các bộ luật trước; mở rộng phạm vi chủ thể, hành vi cấu thành tội phạm, cụ thể hóa rõ ràng, có tính bao quát về yếu tố rất quan trọng của tội phạm này là “của hối lộ”, nhưng qua thực tiễn xét xử cho thấy vẫn cần phải tiếp tục hoàn thiện hơn, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Do đó, những quan điểm hoàn thiện quy định của BLHS năm 2015 về các tội phạm về hối lộ và nâng cao hiệu quả áp dụng bao gồm: 1) Thực hiện chính sách hình sự và yêu

cầu cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước; 2) Đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng, chống và xử lý các tội phạm về hối lộ; 3) Thực hiện gắn với tình hình phát triển đời sống kinh tế - xã hội và pháp luật; 4) Thích ứng với các yêu cầu hội nhập quốc tế và tiếp thu kinh nghiệm của các nước khác.

4.2. Nội dung hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về các tội phạm về hối lộ

Nhận xét, đánh giá quy định BLHS năm 2015 về các tội phạm về hối lộ cho thấy có Những điểm cần khắc phục, hoàn thiện về cả hình thức, kết cấu của BLHS năm 2015 lẫn nội dung quy định của BLHS năm 2015 về các tội phạm về hối lộ, cũng như sự cần thiết phải xem xét, cụ thể hóa áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt miễn hình phạt theo quy định tại Điều 59 BLHS năm 2015 đối với trường hợp người phạm tội có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 hoặc người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể đã được Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ*”.

Từ những nhận xét, đánh giá trên, dưới góc độ nhận thức khoa học về mặt lý luận và thực tiễn thì các tội phạm về hối lộ trong BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung như sau (chữ in đậm, nghiêng là đề xuất, kiến nghị của NCS):

“Chương XXIII

CÁC TỘI PHẠM VỀ CHỨC VỤ

Điều 352. Khái niệm tội phạm về chức vụ

...

Mục 1. CÁC TỘI PHẠM THAM NHƯNG

- Điều 353. Tội tham ô tài sản.

- Điều 355. Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

- Điều 356. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

- Điều 357. Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ.

- Điều 358. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi.

Điều 359. Tội giả mạo trong công tác.

Mục 2. CÁC TỘI PHẠM VỀ HỐI LỘ

Điều 360. Tội nhận hối lộ

Người nào ***có chức vụ, quyền hạn*** trực tiếp hoặc qua trung gian ***đã*** nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác, ***sau đó, lợi dụng chức vụ, quyền hạn*** để làm hoặc không làm một việc theo yêu cầu của người đưa hối lộ để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 02 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng hoặc dưới 02 triệu đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Lợi ích phi vật chất.

...”.

Điều 361. Tội đưa hối lộ

...

7. Người bị ép buộc đưa hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì ***không phải chịu TNHS*** và được trả lại toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ.

Người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn TNHS và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ”.

...

Điều 362. Tội môi giới hối lộ

...

6. Người môi giới hối lộ ***tuy không bị ép buộc*** mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn TNHS.

...”.

4.3. Những giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về các tội phạm về hối lộ

Cùng với giải pháp hoàn thiện quy định BLHS năm 2015 về các tội phạm về hối lộ, NCS. cho rằng cần đồng thời có những giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của BLHS năm 2015 về các tội phạm về hối lộ khắc phục các nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong Chương 3 như:

- Kiến nghị về xây dựng thể chế và định hướng pháp luật về phòng, chống, xử lý nghiêm minh các tội phạm về hối lộ;

- Tập trung truyền thông, phổ biến pháp luật, phê phán, đấu tranh với các hành vi hối lộ (cả ba hành vi phạm tội);

- Rà soát và sửa đổi, bổ sung các quy định về thủ tục hành chính theo hướng xóa bỏ triệt để cơ chế xin - cho và thực hiện chế độ phân cấp, phân quyền trong nền hành chính;

- Nâng cao hơn nữa chất lượng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho những người tiến hành tố tụng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động áp dụng quy định của BLHS năm 2015 về các tội phạm về hối lộ;

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và trao đổi kinh nghiệm lập pháp về các tội phạm về hối lộ với các quốc gia, tổ chức tư pháp quốc tế.

Trong đó, *cần nghiên cứu quy định TNHS của pháp nhân đối với tội nhận hối lộ và tội đưa hối lộ* là phù hợp với thực tiễn công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, cũng như xu thế chung của các nước trên thế giới.

KẾT LUẬN CHUNG

Trên cơ sở nghiên cứu nội dung luận án tiến sĩ luật học với tên gọi: “*Các tội phạm về hối lộ theo luật hình sự Việt Nam*” cho phép NCS. đưa ra những luận điểm tổng kết như sau:

Một là, “hối lộ” là một hiện tượng xã hội, hiện tượng đó xuất hiện từ lâu đời trong xã hội có giai cấp. Đã có nhiều công trình khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu các tội phạm về hối lộ, có những đóng góp ở nhiều góc độ. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu về các tội phạm này theo quy định của BLHS Việt Nam một cách hệ thống và toàn diện. Do đó, luận án đã tuân thủ các quy trình nghiên cứu khoa học, đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu luận án tiến sĩ và đã có kết quả trong việc xây dựng khung lý thuyết về các tội phạm về hối lộ (khái niệm, đặc điểm, cơ sở và những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội phạm này).

Hai là, nghiên cứu, phân tích và so sánh quy định về các tội phạm về hối lộ trong Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng và pháp luật hình sự một số nước cho thấy quy định của các nước này có những nét tương đồng và có nhiều điểm tiến bộ mà Việt Nam có thể tham khảo, học hỏi trong quá trình tiếp tục hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm về hối lộ.

Ba là, nghiên cứu quy định của pháp luật về các tội phạm hối lộ trong tiến trình phát triển lịch sử Việt Nam cho thấy, giai đoạn sau thường tiến bộ, phát triển hơn giai đoạn trước và ngày càng hoàn thiện. Mặc dù vậy, qua ba lần pháp điển

hóa luật hình sự thì trước đòi hỏi của thực tiễn xét xử và xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, quy định của BLHS Việt Nam hiện hành về các tội phạm về hối lộ vẫn cần được tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung trước yêu cầu mới.

Bốn là, để có thêm cơ sở của việc hoàn thiện pháp luật, luận án đã đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về hối lộ trong giai đoạn 2008 - 2021. Trong giai đoạn này, bên cạnh những kết quả, thành tựu quan trọng thì trong thực tiễn áp dụng vẫn bộc lộ một số bất cập, tồn tại, qua đó, làm giảm hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm về hối lộ, do đó, đòi hỏi phải có giải pháp khắc phục.

Năm là, trên cơ sở này, luận án đã phân tích các nguyên nhân cơ bản, từ đó, kiến nghị tiếp tục hoàn thiện quy định của BLHS hiện hành (quy định mục riêng về các tội phạm về hối lộ, lộ trình quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân đối với nhóm tội phạm này, sửa đổi từng tội danh cụ thể...), đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng nhằm đấu tranh phòng ngừa và chống loại tội phạm này đáp ứng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, cũng như xu thế chung của các nước trên thế giới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Vũ Việt Tường (2018), “Những điểm mới cơ bản của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 và những vấn đề đặt ra đối với việc nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật hình sự”, *Tạp chí Khoa học và chiến lược*, (05), tr. 65 - 68.
2. Vũ Việt Tường (2019), “Quy định về tội nhận hối lộ trong Luật Hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Luật và pháp luật* (Được giới thiệu bởi Hội đồng Khoa học cấp cao của Bộ Giáo dục và Khoa học Liên bang Nga nhằm công bố những công trình khoa học là nền tảng cho việc thực hiện luận án), (12), tr. 112-114.
3. Vu Viet Tuong (đồng tác giả) (2021), “Application of information technology in managing the national database on control of assets and incomes of public officials in Vietnam”, *International Conference Proceedings: Good governance and anti-corruption: Opportunitites and challenges in the era of digital technology*, Social Science Publishing house, ISBN: 978-604-308-485-6, pp. 464-475.
4. Vu Viet Tuong (đồng tác giả) (2021), “The role of Decriminalization and depenlization in the abolition of the death penalty: the case of Vietnam in period 1985-2015”, *International Conference Proceedings: Good governance and anti-corruption: Death Penalty in ASIA: Law and practice*, Social Science Publishing house, ISBN: 978-604-308-589-1, pp. 214-232.
5. Vũ Việt Tường (2021), “Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về hối lộ trong tình hình hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, 22(446), tr. 36 - 39.
6. Vũ Việt Tường (2021), “Chính sách pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay đối với các tội phạm về hối lộ”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (Chuyên đề), tr. 18 - 24.
7. Vũ Việt Tường (2021), “Nhìn nhận về hối lộ, các tội phạm về hối lộ”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, Chuyên đề 04 (54), tr. 23-29.